

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### ***1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu***

- Gói thầu được phê duyệt tại Quyết định số 4792/QĐ-BVĐKT ngày 19/9/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Đồ vải phục vụ công tác chuyên môn năm 2025;

- Tên gói thầu: Gói thầu số 2: Đồ vải phục vụ công tác chuyên môn năm 2025.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng;

- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác của đơn vị.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

##### ***1.2. Yêu cầu về kỹ thuật***

###### ***a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:***

- Cam kết hàng hóa chính hãng, mới 100% sản xuất 2024 trở về sau và đáp ứng yêu cầu tại phần b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể.

- Cam kết có mặt xử lý sự cố trong vòng 24 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư;

- Cung cấp Bảng Đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu: mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V của E-HSMT (tham chiếu cụ thể đến số trang trong tài liệu kỹ thuật của E-HSMT) và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V của E-HSMT.

- Cam kết trong thời gian bảo hành nếu thiết bị hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất nhưng không khắc phục sự cố được thì Nhà thầu phải thay mới 100%.

- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc khi sử dụng không đạt yêu cầu chuyên môn mà nguyên nhân không phải do lỗi chủ đầu tư.

## b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng
1	<b>Chăn hè nhân viên</b> Chăn hè trần bông hoa tiết kể ô, may trần zíc zắc hoặc tương đương - Kích thước: 2,2m x2m - Hàng mới 100%	cái	15
2	<b>Chăn hơi nhân viên</b> Chăn hơi trần bông hoa tiết kể ô, may trần zíc zắc hoặc tương đương - Kích thước: 2,2m x2m - Hàng mới 100%	cái	15
3	<b>Gối trực NVYT (bao gồm vỏ và lõi)</b> - Kích thước: 50 x 65cm <b>*Vỏ gối:</b> - Kích thước: 50 x 65cm - Chất liệu: Vải cotton kẻ caro, kaki màu trắng hoặc tương đương - Hàng mới 100% - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5 + Mật độ vải (sợi/10cm) 425x208 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (-1.3)x(0.0) ± 0.5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 86.3 ± 0.5 Cotton 13.7 ± 0.5 <b>*Lõi gối</b> - Chất liệu: Bông loại 1 hoặc tương đương - Kích thước: 50 x 65cm - Hàng mới 100%	cái	40
4	<b>Màn tuyền NVYT</b> - Chất liệu: Vải tuyền hoặc tương đương, màu trắng - Kích thước: Dài 200cm, Rộng 160cm - Hàng mới 100%	cái	2
5	<b>Ga giường NVYT</b> - Kích thước: 1,6 x 2m - Chất liệu: Vải cotton kẻ caro, kaki màu trắng hoặc tương đương - Hàng mới 100% - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5 + Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5	cái	5
6	<b>Ga giường NVYT</b> - Kích thước: 1,2 x 2m - Chất liệu: Vải cotton kẻ caro, kaki màu trắng hoặc tương đương	cái	2

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng
	đương - Hàng mới 100% - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5 + Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5		
7	<b>Ga sơ sinh</b> - Kích thước: 1x1m - Chất liệu: Vải cotton màu trắng, kate màu trắng hoặc tương đương - Hàng mới 100% - Thành phần + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5 + Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5	cái	2
8	<b>Chăn hè bệnh nhân</b> - Chất liệu: Vải cotton, kaki hoặc tương đương, màu trắng - Kích thước: 1,8m x 2m - Hàng mới 100% *Thành phần: + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5 + Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5	cái	200
9	<b>Vỏ chăn bệnh nhân</b> - Chất liệu: Vải cotton, kaki màu trắng hoặc tương đương - Màu sắc: Trắng trơn có dòng kẻ mờ - Kích thước: 1,8 x 2m - Hàng mới 100% - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5 + Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5	cái	260
10	<b>Lõi chăn hơi bệnh nhân</b>	cái	260

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng
	- Chất liệu: Polyester hoặc bông lông vũ nhân tạo, mềm mại, độ bền cao, thoáng khí, dễ làm sạch - Kích thước: 1,8 x 2m - Hàng mới 100%		
11	<b>Màn tuyền bệnh nhân</b> - Chất liệu vải tuyền hoặc tương đương, màu trắng - Kích thước: Dài 200cm, Rộng 120cm - Hàng mới 100%	cái	200
12	<b>Vỏ gối bệnh nhân</b> - Chất liệu: Vải kaki hoặc tương đương, màu trắng - Kích thước: 50 x 65cm - Hàng mới 100% - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5 + Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5	cái	250
13	<b>Lõi gối bệnh nhân</b> - Kích thước: 50 x 65cm - Chất liệu: Polyester hoặc bông lông vũ nhân tạo, mềm mại, độ bền cao, thoáng khí, dễ làm sạch hoặc tương đương - Hàng mới 100%	cái	250
14	<b>Chiếu giường bệnh</b> - Chất liệu: Nhựa loại I hoặc tương đương - Kích thước: 90 x 185cm - Hàng mới 100%	cái	350
15	<b>Ga giường bệnh</b> - Chất liệu: Vải cotton, kaki màu trắng hoặc tương đương - Kích thước: 2,6 x 1,4m - Hàng mới 100% - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5 + Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5	cái	100
16	<b>Gia giường bệnh nhân loại chun</b> - Chất liệu: Vải cotton, kaki màu trắng hoặc tương đương, may bo chun - Kích thước: 2,6 x 1,4m - Hàng mới 100% - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ) 204.7 ± 0.5	cái	100

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5</li> </ul>		
17	<p><b>Ga giường thủ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải cotton, kaki màu hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước: 1,4 x 2,4m</li> <li>- Hàng mới: 100%</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 204.7 ± 0.5</li> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5</li> </ul> </li> </ul>	cái	30
18	<p><b>Khăn lau đầu dò siêu âm, khăn mổ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải cotton 100%</li> <li>- Kích thước: 30 x 30cm</li> <li>- Hàng mới 100%</li> </ul>	cái	500
19	<p><b>Săng mổ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải cotton loại I, kaki màu xanh hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước: 1,85 x 1,5m</li> <li>- Hàng mới 100%</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 214.4 ± 0.5</li> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 430 x 212 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.9) x (0.1) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.9±0.5, Cotton 13.1±0.5</li> </ul> </li> </ul>	cái	300
20	<p><b>Săng sản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải cotton, kaki màu xanh hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước: 1 x 1m</li> <li>- Hàng mới 100%</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 214.4 ± 0.5</li> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 430 x 212 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.9) x (0.1) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.9±0.5, Cotton 13.1±0.5</li> </ul> </li> </ul>	cái	100
21	<p><b>Săng phẫu thuật có lỗ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải cotton 100% loại I, kaki màu xanh hoặc tương đương</li> </ul>	cái	100

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 80 x 80cm</li> <li>- Lỗ sáng rộng 11cm</li> <li>- Hàng mới 100%</li> <li>- Thành phần:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 214.4 ± 0.5</li> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 430 x 212 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.9) x (0.1) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.9±0.5, Cotton 13.1±0.5</li> </ul> </li> </ul>		
22	<p><b>Săng bệnh nhân chạy thận không có lỗ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải cotton 100% loại I, kaki màu xanh hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước: 30 x 50cm</li> <li>- Hàng mới 100%</li> <li>- Thành phần               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 214.4 ± 0.5</li> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 430 x 212 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.9) x (0.1) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.9±0.5, Cotton 13.1±0.5</li> </ul> </li> </ul>	cái	200
23	<p><b>Bọc đê</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải cotton loại I, kaki màu trắng hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước: 45 x 50cm</li> <li>- Hàng mới 100%</li> <li>- Thành phần:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 204.7 ± 0.5</li> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 425 x 208 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.3) x (0.0) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.3±0.5, Cotton 13.7±0.5</li> </ul> </li> </ul>	cái	200
24	<p><b>Vải bọc đồ hấp sấy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cotton, kaki hoặc tương đương màu xanh, vàng</li> <li>- Kích thước: 1,1 x 1,2m</li> <li>- Hàng mới 100%</li> <li>- Thành phần:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 214.4 ± 0.5</li> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 430 x 212 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.9) x (0.1) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.9±0.5, Cotton 13.1±0.5</li> </ul> </li> </ul>	cái	200
25	<p><b>Vải bọc đồ vải</b></p>	cái	10

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cotton, kaki hoặc ương đương màu xanh, vàng</li> <li>- Kích thước: 2 x 2m</li> <li>- Hàng mới 100%</li> <li>- Thành phần:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 214.4 ± 0.5</li> <li>+ Mật độ vải (sợi/10cm) (DxN) 430 x 212 ± 2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.9) x (0.1) ± 0.5</li> <li>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) 4-5</li> <li>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.9±0.5, Cotton 13.1±0.5</li> </ul> </li> </ul>		

**Ghi chú:** *Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh.*

*- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của thiết bị thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.*

**Mục 2. Bản vẽ:** Không có bản vẽ

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Chủ đầu tư, Bên mời thầu và Nhà thầu thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa cung cấp trước khi bàn giao.
- Khi có nghi ngờ về chất lượng hàng hóa cung cấp.
- Trước khi nghiệm thu hoàn thành.
- Đối với những hàng hóa được thay thế khi thực hiện bảo hành của nhà thầu.

Lưu ý: Khi cần thiết, chủ đầu tư có thể yêu cầu kiểm định độc lập về chất lượng hàng hóa. Mọi chi phí kiểm định sẽ do nhà thầu chịu.